

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500
Nghĩa trang từ trần và mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Tân
Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN THỦ THỪA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/6/2020;

Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 21/11/2017;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 23/2016/NĐ-CP ngày 05/4/2016 của Chính phủ về xây dựng, quản lý, sử dụng nghĩa trang và cơ sở hỏa táng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 15/8/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật, công trình nghĩa trang QCVN 07-10: 2016/BXD;

Căn cứ Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 21/02/2011 của UBND tỉnh Long An về việc phê duyệt quy hoạch địa điểm xây dựng nghĩa trang tỉnh Long An giai đoạn 2010-2020 và tầm nhìn đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 62/2016/QĐ-UBND ngày 18/11/2016 của UBND tỉnh Long An Ban hành quy định về quản lý nghĩa trang, cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Long An;

Căn cứ Công văn số 2381/SXD-QHKT ngày 23/6/2021 của Sở Xây dựng tỉnh Long An về việc có ý kiến đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang từ trần và Mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Tân Thành, huyện Thủ Thừa;

Xét Tờ trình số 451/TTr-KT&HT ngày 20/8/2021 và Báo cáo kết quả thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang từ trần và mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Tân Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An số 450/TĐQH-KT&HT ngày 20/8/2021 của Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Nghĩa trang từ trần và mở rộng nghĩa trang nhân dân xã Tân Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An với nội dung như sau:

* **Địa điểm quy hoạch:** Xã Tân Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An.

* **Chủ đầu tư lập quy hoạch:** Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện Thủ Thừa.

* **Đơn vị tư vấn lập quy hoạch:** Công ty TNHH tư vấn xây dựng Hùng Phát.

I. Vị trí, giới hạn, diện tích:

- Khu đất quy hoạch thuộc xã Tân Thành, huyện Thủ Thừa, tỉnh Long An. Ranh giới khu đất được giới hạn như sau:

+ Phía Bắc giáp : Đường Mường Khai.

+ Phía Nam giáp : Đường cặp kênh Bà Báng.

+ Phía Đông giáp: Ruộng lúa.

+ Phía Tây giáp : Kênh thủy lợi.

- Quy mô diện tích: **82.117m² (8,2117ha).**

II. Tính chất khu quy hoạch: là nghĩa trang từ trần và nghĩa trang nhân dân.

III. Các hình thức táng được quy hoạch

- Chôn cất một lần (là hình thức mai táng thi hài vĩnh viễn trong đất).

- Cát táng (là hình thức mai táng hài cốt sau khi cải táng hoặc lưu tro cốt sau khi hỏa táng).

IV. Các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật

1. Chỉ tiêu sử dụng đất.

a) Tỷ lệ sử dụng đất (tính trên tổng diện tích đất) nghĩa trang:

- Diện tích đất mộ mai táng: 39.350m², chiếm tỷ lệ 47,92%, trong đó:

+ Diện tích đất mai táng khu họ đạo: 8.185m², chiếm tỷ lệ 9,97%.

+ Diện tích đất mai táng thuộc khu mở rộng nghĩa trang nhân dân: 20.253m², chiếm tỷ lệ 24,66%.

+ Diện tích đất mai táng thuộc khu nghĩa trang từ trần: 8.345m², chiếm tỷ lệ 10,16%.

+ Diện tích đất mai táng mộ cải táng: 2.567m², chiếm tỷ lệ 3,13%.

- Các công trình chức năng và hạ tầng kỹ thuật: 42.767m², chiếm tỷ lệ 52,08%, trong đó:

+ Diện tích cây xanh, bãi cỏ, đài phun nước: 20.800m², chiếm tỷ lệ 25,33%.

- + Diện tích đất giao thông, sân bãi đậu xe: 21.059m², chiếm tỷ lệ 25,65%.
- + Diện tích các công trình phụ trợ: 908m², chiếm tỷ lệ 1,10%.

b) Diện tích đất sử dụng đất cho mỗi mộ (không tính diện tích đường đi xung quanh mộ):

- * Phần mở rộng nghĩa trang nhân dân:
 - Diện tích xây dựng mộ cải táng: 0,96 m²/mộ.
 - Diện tích xây dựng mộ đơn: 3,64 m²/mộ.
 - Diện tích xây dựng mộ đôi: 12,00 m²/mộ.
- * Phần nghĩa trang từ trần:
 - Diện tích xây dựng mộ đôi lớn: 26,00 m²/mộ.
 - Diện tích xây dựng mộ đôi nhỏ: 14,40 m²/mộ.
 - Diện tích xây dựng mộ đơn lớn: 7,92 m²/mộ.
 - Diện tích xây dựng mộ đơn nhỏ: 4,64 m²/mộ.

2. Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật.

a) Chỉ tiêu cấp điện

- Chiếu sáng cây xanh và cảnh quan: 2 kW/ha.
- Chiếu sáng giao thông: 5 kW/ha.
- Các công trình chức năng: 30W/m²sàn.
- Số giờ sử dụng công suất lớn nhất: 2.000 giờ/năm.

b) Chỉ tiêu cấp nước

- Nhân viên phục vụ (10 người): 100 lít/người.ngày.
- Khách thăm viếng, dự đám tang (100 người): 10 lít/người.ngày.
- Các công trình chức năng, phụ trợ: 2 lít/ sàn-ngđ.
- Rửa đường, sân bãi: 0,5 lít/m²-ngđ.
- Nước tưới vườn hoa, công viên: 3 lít/m² -ngđ.
- Rò rỉ, dự phòng: 25% ΣQ.
- Lưu lượng nước chữa cháy: q_{cc} = 15 (l/s).

c) Chỉ tiêu thoát nước thải: Lưu lượng nước thải sinh hoạt từ các công trình thu gom đạt ≥80%.

d) Rác thải:

- Nhân viên phục vụ (10 người): 1,0 kg/người.ngày.
- Khách thăm viếng, dự đám tang (100 người): 0,5 kg/người.ngày.

e) Thông tin liên lạc:

Mỗi khu chức năng bố trí 01 máy, dự phòng hư hỏng và mở rộng: 2 đôi.

V. Phương án quy hoạch

1. Tổ chức không gian quy hoạch kiến trúc cảnh quan

a) Đất mai táng:

*** Khu chôn cất 1 lần:**

- Khu mộ hiện hữu: Được bố trí tại khu (A2 và A3).
- Khu mở rộng nghĩa trang nhân dân:
 - + Mộ đơn nhỏ: Được bố trí thành 5 khu (A1, A6, A8, B1 và B2); kích thước khu đất: 1,4m x 2,6m.
 - + Mộ đôi: Được bố trí thành 2 khu (A4 và A5); kích thước khu đất: 4,0m x 3,0m.
- Khu nghĩa trang từ trần:
 - + Mộ đơn lớn: Được bố trí tại khu B3; kích thước khu đất: 2,2m x 3,6m.
 - + Mộ đôi lớn: Được bố trí tại khu B4; kích thước khu đất: 6,50m x 4,0m.
 - + Mộ đôi nhỏ: Được bố trí tại khu B5; kích thước khu đất: 4,0m x 3,6m.
 - + Mộ đơn nhỏ: Được bố trí tại khu B6; kích thước khu đất: 1,6m x 2,9m.
- Khu nghĩa trang họ đạo: Được bố trí tại khu C; kích thước lô mộ, kiểu dáng kiến trúc, hình thức bố trí do đơn vị quản lý quy định. Sau khi đề án được phê duyệt, đơn vị quản lý phải lập tổng mặt bằng bố trí, trong đó thể hiện rõ giao thông, lối đi và các yêu cầu khác trình UBND huyện chấp thuận làm cơ sở triển khai thực hiện và quản lý.

*** Khu cát táng (từ nơi khác chuyển về):** Được bố trí ở khu A7 và A9; kích thước khu đất: 0,8m x 1,2m.

*** Quy định về xây dựng mộ:**

- Các mộ được thiết kế theo đúng hình dáng kiến trúc; kích thước; khoảng cách giữa các mộ theo bản vẽ quy hoạch được duyệt.
- Nền mộ sử dụng bê tông đúc sẵn; kết cấu mộ gạch xây hoặc khung bê tông cốt thép đúc sẵn.
- Các mộ được xây dựng bằng gạch, ốp đá granit hoặc ốp gạch.

b) Đất giao thông, sân bãi:

Hệ thống giao thông, sân bãi được bố trí thuận tiện, khép kín với nhau gồm:

- Trục giao thông chính (đường phân khu) có mặt đường rộng 7m.
- Đường giữa các lô mộ (đường phân lô) có mặt đường rộng 4m – 6m.
- Lối đi bên trong các lô mộ (đường phân nhóm) có mặt đường rộng 1,5m.
- Khoảng cách lối đi giữa hai hàng mộ liên tiếp:
 - + Mở rộng nghĩa trang nhân dân: 0,8m.
 - + Nghĩa trang từ trần (mộ nhỏ): 0,8m.
 - + Nghĩa trang từ trần (mộ lớn): 0,8m.
- Khoảng cách lối đi giữa 2 mộ liên tiếp cùng hàng:
 - + Mở rộng nghĩa trang nhân dân: 0,6m.

+ Nghĩa trang từ trần (mộ nhỏ): 0,6m.

+ Nghĩa trang từ trần (mộ lớn): 1,0m.

c) Đất cây xanh, bãi cỏ, đài phun nước:

- Cây xanh công viên, cây xanh khu mộ, bãi cỏ được bố trí phía trước và trên các vỉa hè các trục đường giao thông chính.

- Cây xanh cách ly được bố trí xung quanh khu đất quy hoạch.

- Đài phun nước được bố trí ở giữa khu đất.

d) Đất các công trình phụ trợ:

- Cổng.

- Nhà bảo vệ: Tầng cao xây dựng 1 tầng.

- Nhà căn tin: Tầng cao xây dựng tối đa 2 tầng.

- Nhà vệ sinh: Tầng cao xây dựng 1 tầng.

- Nhà tang lễ: Tầng cao xây dựng tối đa 2 tầng.

- Chòi nghỉ: Tầng cao xây dựng 1 tầng.

- Khu xử lý nước thải: Bố trí phía Tây Bắc giáp khu A1.

- Trạm điện trung tâm: Bố trí phía Bắc giáp đường N1.

2. Quy hoạch sử dụng đất:

Bảng tổng hợp cơ cấu quy hoạch sử dụng đất

Stt	Loại đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Đất mộ mai táng	39.350	47,92
1	Mộ hiện hữu (A2, A3)	3.841	4,68
2	Mộ khu mở rộng nghĩa trang nhân dân	18.979	23,11
a	- Mộ đơn nhỏ (A1, A6, A8, B1 và B2)	12.881	
b	- Mộ đôi (A4, A5)	3.531	
c	- Mộ cát táng (A7 và A9)	2.567	
3	Mộ khu nghĩa trang từ trần	8.345	10,16
a	- Mộ đơn lớn (B3)	2.079	
b	- Mộ đôi lớn (B4)	2.791	
c	- Mộ đôi nhỏ (B5)	1.962	

Stt	Loại đất	Diện tích (m²)	Tỷ lệ (%)
<i>d</i>	- <i>Mộ đơn nhỏ (B6)</i>	<i>1.513</i>	
4	Đất nghĩa trang họ Đạo	8.185	9,97
II	Đất giao thông, sân bãi đậu xe	21.059	25,65
1	Đường giao thông	19.803	
2	Bãi đỗ xe	1.256	
III	Đất cây xanh, bãi cỏ, đài phun nước	20.800	25,33
1	Công viên cây xanh	6.732	
2	Cây xanh khu mộ	3.559	
3	Cây xanh cách ly	8.037	
4	Đài phun nước	2.472	
IV	Đất công trình phụ trợ	908	1,10
1	Cổng	100	
2	Nhà bảo vệ	46	
3	Nhà căn tin	32	
4	Nhà vệ sinh	64	
5	Nhà tang lễ	450	
6	Chòi nghỉ	60	
7	Khu XLNT	120	
8	Trạm điện trung tâm	36	
TỔNG CỘNG		82.117	100

3. Quy hoạch phân lô mộ:

Bảng tổng hợp quy hoạch phân lô mộ

Tên khu	Loại mộ	Tổng diện tích khu (m ²)	Số lượng (lô)	Kích thước 01 lô mộ (m)	DT 01 lô mộ (m ²)
Khu nghĩa trang mở rộng					
A1	Mộ đơn	955	114	1,4 x 2,6	3,64
A2	Mộ hiện hữu	1.918	-	-	-
A3	Mộ hiện hữu	1.923	-	-	-
A4	Mộ đôi	1.454	67	4,0 x 3,0	12,0
A5	Mộ đôi	2.077	96	4,0 x 3,0	12,0
A6	Mộ đơn	3.874	493	1,4 x 2,6	3,64
A7	Mộ cải táng	1.448	547	0,8 x 1,2	0,96
A8	Mộ đơn	1.554	191	1,4 x 2,6	3,64
A9	Mộ cải táng	1.119	397	0,8 x 1,2	0,96
B1	Mộ đơn	3.692	473	1,4 x 2,6	3,64
B2	Mộ đơn	2.806	355	1,4 x 2,6	3,64
Khu nghĩa trang từ trần					
B3	Mộ đơn lớn	2.079	107	2,2 x 3,6	7,92
B4	Mộ đôi lớn	2.791	55	6,5 x 4,0	26
B5	Mộ đôi nhỏ	1.962	68	4,0 x 3,6	14,4
B6	Mộ đơn nhỏ	1.513	151	1,6 x 2,9	4,64
Tổng		31.165			

4. Quy hoạch mạng lưới hạ tầng kỹ thuật:

a) Chuẩn bị kỹ thuật đất xây dựng:

Cốt nền san lấp trung bình toàn khu là: +2,4m thấp hơn 0,1m nền khu nghĩa trang hiện hữu trung bình là +2,5 theo hệ cao độ Quốc gia.

b) Quy hoạch giao thông:

Bảng thống kê quy hoạch đường giao thông

Stt	Tên đường	Ký hiệu mặt cắt ngang	Lộ giới	Chiều rộng			Ghi chú
				Vĩa hè trái	Lòng đường	Vĩa hè phải	
			(m)	(m)	(m)	(m)	
1	Đường D1	1-1; 1'-1'	5,8	1,8	4	-	Phía bên cây xanh cách ly không bố trí vĩa hè
		1''-1''	7	-	7	-	
2	Đường D2	3-3 3'-3'	10,6	1,8	7	1,8	Đoạn từ đường N1 đến đường N7
3	Đường D3	5-5 5'-5' 5''-5''	9,6	1,8	6	1,8	Đoạn từ đường N1 đến đường N5
		3-3	10,6	1,8	7	1,8	Đoạn từ đường N5 đến đường N8
4	Đường N1	3'-3' 5'-5'	9,6- 10,6	1,8	6-7	1,8	Đoạn từ đường D1 đến đường D3
5	Đường N2	6-6	9,6	1,8	6	1,8	Đoạn từ đường D1 đến đường D2
6	Đường N3	2-2 2'-2'	7,6	1,8	4	1,8	Đoạn từ đường D2 đến kênh công cộng
7	Đường N4	2'-2' 2''-2''	7,6	1,8	4	1,8	Đoạn từ đường D2 đến kênh công cộng
8	Đường N5	4-4 4'-4'	7,6	1,8	4	1,8	Đoạn từ đường D1 đến kênh công cộng
9	Đường N6	7-7	8,8	1,8	5,2	1,8	Đoạn từ đường D1 đến đường D3
10	Đường N7	3''-3''	10,6	1,8	7	1,8	Đoạn từ đường D1 đến đường D3
11	Đường N8	8-8	5,8	-	4	1,8	Phía bên cây xanh cách ly không bố trí vĩa hè

- Mặt đường sử dụng bê tông nhựa nóng.
- Vía hè lát gạch, tiếp giáp vỉa hè trồng cỏ kết hợp cây cảnh tầm thấp tạo cảnh quan.

c) Quy hoạch cấp điện:

* **Nguồn điện:** Sử dụng nguồn điện 22kV hiện hữu chạy dọc đường Mường Khai kéo về cung cấp cho toàn khu quy hoạch.

* **Nhu cầu dùng điện:**

+ Các công trình chức năng, phụ trợ: 27,24 kW.

+ Cây xanh và cảnh quan : 4,3 kW.

+ Giao thông và sân bãi đậu xe : 10,6 kW.

Tổng cộng (làm tròn) : 42 kW.

* **Mạng lưới cấp điện:**

- Lưới điện trung thế dẫn vào khu quy hoạch đi nổi trên các trụ BTCT dẫn đến trạm biến áp 22/0,4kV.

- Lưới điện hạ thế 0,4kV trong khu quy hoạch được đi ngầm dẫn đến các công trình phụ trợ thông qua hệ thống các tủ điện.

- Chiếu sáng đường giao thông, công viên, các khu mộ sử dụng loại đèn LED 150W được bố trí trên các ống STK cao cách mặt vỉa hè từ 7m -10m với khoảng cách thích hợp đảm bảo đủ độ rọi. Hệ thống điện chiếu sáng được thiết kế riêng biệt, độc lập với mạng động lực và được đi ngầm. Các đèn được đóng tắt tự động bằng công tắc định thời gian hoặc công tắc quang điện.

- Xây dựng 1 trạm biến áp công suất 75kVA bố trí tiếp giáp với trục đường N1 phía cây xanh cách ly thuận tiện việc kết nối.

d) Hệ thống cấp nước:

* **Nguồn cấp:** Sử dụng nguồn nước lấy từ nhà máy nước Bình Ảnh cung cấp.

* **Nhu cầu dùng nước:**

+ Công trình chức năng, phụ trợ : 2,78 m³/ngày.

+ Tưới vườn hoa, công viên : 65,27 m³/ngày.

+ Nước rửa đường, sân bãi : 11,07 m³/ngày.

+ Nước cho nhân viên phục vụ : 1,0 m³/ngày.

+ Nước cho khách thăm viếng, dự đám tang: 1,0 m³/ngày.

+ Nước rò rỉ, dự phòng : 19,3 m³/ngày.

Tổng cộng (làm tròn) : 101 m³/ngày.

- Lưu lượng nước trong ngày sử dụng lớn nhất:

$$Q_{\max} = K_{\text{ngày}} \times Q_{\text{tb}} = 1,2 \times 101,3 = 121,6 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$$

Vậy lưu lượng cấp nước toàn khu dự kiến khoảng 122 m³/ngày đêm

Lưu lượng cấp nước chữa cháy qcc $\geq 15l/s$ cho một đám cháy, số đám cháy xảy ra đồng thời một lúc là 1 đám cháy theo TCVN 2622-1995.

*** Mạng lưới:**

- Hệ thống cấp nước bằng các tuyến ống uPVC $\Phi 100$, $\Phi 60$, $\Phi 42$, $\Phi 34$ đi ngầm nối từ nguồn cấp nước dẫn đến trạm cấp nước nội bộ sau đó cung cấp cho toàn bộ khu quy hoạch.

- Bố trí 1 trụ cứu hỏa có đường kính $\Phi 100$ tại ngã giao của tuyến đường nội bộ N1 và D1. Ngoài ra có thể tận dụng nguồn nước từ các kênh, rạch hiện hữu xung quanh dùng tưới cây và chữa cháy nếu chất lượng nước đảm bảo.

e) Thoát nước mưa, thoát nước bản:

*** Thoát nước mưa:**

- Thoát nước mưa từ sân đường, vỉa hè, mặt đường, các lô mộ được thu gom tại vị trí đặt hố ga thu nước xuống các tuyến ống dọc theo vỉa hè về các tuyến cống chính sau đó thoát ra kênh Bà Báng ở phía Nam và kênh thủy lợi ở phía Tây khu quy hoạch.

- Mạng lưới sử dụng cống tròn BTCT có đường kính $\Phi 400$, $\Phi 600$.

- Trên hệ thống thoát nước bố trí các hố ga BTCT dọc theo vỉa hè với khoảng cách thích hợp đảm bảo thoát nước dễ dàng.

*** Thoát nước bản**

- Nước thải sinh hoạt từ các công trình phụ trợ được thu gom toàn bộ dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý đạt tiêu chuẩn quy định trước khi thoát ra kênh thủy lợi. Nước thải sinh hoạt sử dụng ống uPVC $\Phi 150$, $\Phi 100$ (từ công trình ra mạng lưới).

- Xử lý nước thải theo 2 cấp:

+ Cấp thứ I: Xử lý lắng lọc tại hầm tự hoại.

+ Cấp thứ II: Xử lý tập trung tại trạm xử lý theo tiêu chuẩn QCVN 14 - 2008 (cột A, K=1) theo quyết định số: 16/2008/QĐ-BTNMT ngày 31/12/2008 về việc ban hành quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về môi trường sau đó thoát ra kênh thủy lợi.

f) Thông tin liên lạc:

*** Nguồn:** Từ trạm viễn thông của khu vực.

*** Nhu cầu:**

- Khu chức năng: 4 máy.

- Dự phòng hư hỏng và mở rộng: 2 đôi.

*** Mạng lưới:** Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc đi ngầm dưới vỉa hè đường phố, cáp sử dụng là cáp song hành.

g) Rác - Vệ sinh môi trường:

- Chất thải rắn trong khu vực nghĩa trang phải được tổ chức thu gom hàng ngày, vận chuyển đến khu xử lý tập trung. Không để rác ứ đọng làm ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.

- Chất thải nguy hại phải được thu gom riêng và xử lý đúng quy định.
- Rác thải được phân loại tại nguồn và được chứa trong các thùng nhựa có nắp đậy kín, được đặt tại nơi phù hợp đảm bảo vệ sinh môi trường.
- Rác thải được thu gom hàng ngày và đưa đến bãi rác chung để xử lý tập trung.
- Tổng lượng rác thải: 60kg/ngày.

h) Cây xanh:

- Trên các vỉa hè dọc theo các trục đường trồng cây xanh lấy bóng mát.
- Trồng cây xanh cách ly xung quanh khu đất quy hoạch.
- Trồng cây xanh trên bãi đậu xe và công viên.
- Không trồng các loại cây có khả năng gây ảnh hưởng đến sức khỏe con người, các cây dễ rụng lá, dễ gãy đổ gãy cành hoặc có rễ ăn sâu gây hư hại đến các bộ phận công trình ngầm.
- Trong khu mộ phần trồng cây tùng, bách, dương, sứ, liễu, bông trang, mai chiếu thủy...cây bụi và cỏ.

Điều 2. Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện và các ngành có liên quan thực hiện đúng theo các nội dung sau:

- Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày đồ án quy hoạch được phê duyệt, phòng Kinh tế và Hạ tầng phải phối hợp với UBND xã Tân Thành và các ngành có liên quan tổ chức công bố quy hoạch và tiến độ đầu tư dự án theo quy định.
- Triển khai dự án phải:
 - + Theo đúng diện tích quy hoạch được duyệt, đồng thời đúng theo trích đo bản đồ địa chính do cơ quan có thẩm quyền cung cấp.
 - + Đảm bảo không làm ảnh hưởng đến các vấn đề thoát nước, vệ sinh môi trường, an toàn giao thông, hệ thống hạ tầng kỹ thuật hiện hữu của khu vực.
 - + Đảm bảo kết nối đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật với khu vực xung quanh và lân cận.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện, Trưởng Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Trưởng Phòng Tài Nguyên và Môi trường, Trưởng Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trưởng phòng Tài chính – Kế hoạch, Trưởng phòng Văn hóa và Thông tin, Trưởng phòng LĐTBXH huyện, Chủ tịch UBND xã Tân Thành và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- UBND huyện (CT, các PCT);
- Phòng KT&HT;
- LĐVP;
- NC-TH;
- Lưu.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đinh Văn Sáu

